

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-PT  
Ngày 25-11-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Hồ Điệp  
*Các Thẩm phán:* Bà Bùi Thị Thúy Hà  
Bà Trần Thị Vân Thúy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2020/TLPT- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 173/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Việt A; nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện E, thành phố Hải Phòng, có mặt.
  - *Bị đơn:* Chị Lê Thị Thanh B; nơi cư trú: Thôn F, xã G, huyện E, thành phố Hải Phòng, có mặt.
- Người kháng cáo:* Chị Lê Thị Thanh B là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn là anh Vũ Việt A trình bày:*

Anh kết hôn với chị Lê Thị Thanh B tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 9 năm 2018. Sau lễ cưới, chị B về chung sống cùng với anh A tại thôn Bắc 1, xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống chung vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không hòa hợp, lối sống không phù hợp, mặt khác thời gian tìm hiểu trước khi cưới quá ngắn nên khi về chung sống vợ chồng không có sự hòa thuận, thông cảm cho nhau và bộc lộ nhiều bất đồng. Đến khi chị B sinh con được 01 tháng, vào khoảng tháng 6 năm 2019, chị B đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng, bố mẹ hai bên đều biết và khuyên bảo nhưng tình cảm giữa anh và chị B vẫn không được cải thiện. Nay tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Lê Thị Thanh B.

Anh A và chị B có 01 con chung là Vũ Anh Tuấn, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2019. Khi ly hôn, anh yêu cầu giao con cho chị B trực tiếp nuôi. Anh A nhận trách nhiệm cho con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh A và chị B không có tài sản chung nên anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Chị Lê Thị Thanh B là bị đơn, trình bày:*

Chị Dung thừa nhận về thời gian và điều kiện kết hôn. Cuộc sống chung của chị B và anh A hòa thuận, chỉ đến khi chị B chuẩn bị sinh con thì phát sinh mâu thuẫn và đến tháng 6 năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do anh A có quan hệ tình cảm với người khác nên khi về nhà thường hay gằn hắt, xúc phạm chị B. Anh A bỏ mặc và không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị B về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Nay, anh A có đơn xin ly hôn với chị B, vì còn tình cảm với anh A, con chung còn nhỏ, mong muốn cho con có đủ cha và mẹ nên chị B không đồng ý ly hôn.

Trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn, chị B yêu cầu được nuôi con chung là Vũ Anh Tuấn, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2019 và yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và anh A phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng một lần với tổng số tiền là 650.000.000 đồng. Ngoài ra, chị B yêu cầu chị phải được toàn quyền quyết định trong việc chăm sóc, nuôi dạy con.

Chị B và anh A không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm số 173/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Cho anh Vũ Việt A được ly hôn với chị Lê Thị Thanh B.

Giao cho chị Lê Thị Thanh B trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Anh Tuấn sinh ngày 03 tháng 5 năm 2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Vũ Việt A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Vũ Anh Tuấn sinh ngày 03 tháng 5 năm 2019 mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng, bắt đầu từ tháng 9 năm 2020.

Kể từ ngày chị Lê Thị Thanh B có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh Vũ Việt A chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bản án có tuyên quyền kháng cáo và án phí đối với các đương sự.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, chị Lê Thị Thanh B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Vũ Việt A. Lý do kháng cáo: Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét ý kiến trình bày của bị đơn, lời khai của nguyên đơn không có căn cứ nhưng lại được chấp nhận nên bản án sơ thẩm không khách quan.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Chị B trình bày: Chị vẫn còn yêu chồng nên mong muốn đoàn tụ. Trường hợp anh A cố tình ly hôn, chị yêu cầu anh A phải lập sổ tiết kiệm cho con là 650.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực 05 ngày. Trường hợp không thực hiện được việc cấp dưỡng một lần thì yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con năm đầu tiên là 4.000.000đ/tháng, từ năm thứ hai trở đi là 10.000.000đ/tháng và tính trượt giá và các khoản phụ phí khác cho con.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Tòa án nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Chị B và anh A xác nhận vợ chồng mâu thuẫn từ khi chị B sinh con và đã ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay, không quan tâm đến nhau về mọi mặt. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, ...chăm sóc, giúp đỡ nhau...và vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác. Như vậy, căn cứ vào Điều Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Xét kháng cáo của chị Lê Thị Thanh B: Chị B và anh A xác nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay, không có trách nhiệm với nhau. Tài liệu xác minh tại gia đình chị B thể hiện anh A không chăm sóc vợ con, nhiều lời lẽ thô tục, xúc phạm chị B. Chị B nghi ngờ anh A ngoại tình dẫn đến vợ chồng cãi nhau, xúc phạm nhau. Từ khi ly thân, anh A không một lần thăm vợ, thăm con. Tài liệu xác minh tại gia đình anh A thể hiện vợ chồng chị B đã ly thân hơn một năm, tình cảm vợ chồng không cải thiện được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, có những lời lẽ xúc phạm nặng nề nên tình cảm vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Tại các lời khai của chị B cũng xác nhận chị nghi ngờ anh A ngoại tình, về nhà hằn gắt xúc phạm vợ con. Chị B về nhà bố mẹ đẻ, anh A cũng không tìm gọi. Lý do chị không đồng ý ly hôn là mong muốn con chung có đủ bố, mẹ. Tuy nhiên, xét thấy trên thực tế hôn nhân hạnh phúc phải xuất phát từ tình cảm của vợ và của chồng. Tại bản tự khai ngày 11/6/2020, chị B khai vợ chồng đã có mâu thuẫn từ khi chị chuẩn bị sinh con. Anh A hay gây sự vô cớ. Đến khi chị sinh con, anh A thường xuyên vắng nhà, không chăm sóc cho mẹ con chị mà còn sỉ nhục chị. Căn cứ vào lời khai của chị B và các tài liệu xác minh của hai bên gia đình chị B và anh A cho thấy cuộc sống chung của chị B và anh A không có hạnh phúc. Tại các lời khai của anh A, anh A khai không còn tình cảm vợ chồng với chị B. Và cũng tại bản tự khai ngày 11/6/2020 của chị B trình bày nếu anh A cố tình ly hôn, nhẫn tâm bỏ mặc mẹ con chị thì chị cũng đồng ý ly hôn với hai điều kiện: Chị được toàn quyền quyết định việc chăm sóc con và anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một lần là 650.000.000đồng. Như vậy, chị B cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không có cơ hội để đoàn tụ. Chị B mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không thể hiện những việc làm cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào lời khai của chị B thì thực sự chị B mong muốn vợ chồng đoàn tụ không vì tình cảm yêu thương anh A Do vậy, cấp sơ thẩm quyết định cho anh A được ly hôn chị B là phù hợp với thực tế hôn nhân của chị B và anh A.

[2] Tại đơn kháng cáo của chị B, chị B không kháng cáo về cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con là vượt quá nội dung kháng cáo ban đầu. Tuy nhiên, nghiên cứu hồ sơ và nội

dung bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định việc anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng và mỗi tháng 3.000.000đ là phù hợp với điều kiện thu nhập thực tế của anh A. Mặt khác, theo quy định của luật, chị B có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[3] Từ căn cứ trên, không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Thanh B.

[4] Về án phí ly hôn phúc thẩm: Chị Lê Thị Thanh B phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Thanh B.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 173/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Việt A được ly hôn với chị Lê Thị Thanh B.

2. Về con chung: Giao con chung Vũ Anh Tuấn, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2019 cho chị Lê Thị Thanh B trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh Vũ Việt A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Vũ Anh Tuấn, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2019 mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng, bắt đầu từ tháng 9 năm 2020.

Kể từ ngày chị Lê Thị Thanh B có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh Vũ Việt A chưa thi hành xong khoản

tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Vũ Việt A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ, cộng bằng 600.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0000908 ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), anh Vũ Việt A còn phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

5. Về án phí ly hôn phúc thẩm: Chị Lê Thị Thanh B phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002307 ngày 06 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hồ Điệp**











